

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024.

### XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Ông **Chamaléa V** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn rút yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:  
**Nguyên đơn:** Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986.  
Địa chỉ: Khu phố C, xã C, tỉnh Phú Thọ.  
Bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng.  
**Bị đơn:** Ông Hồ Văn T, sinh năm 1985  
Địa chỉ: Thôn Á, xã T, Khánh Hòa.  
Bà Phạm Thị P, sinh năm 1986.  
Địa chỉ: Thôn Á, xã T, Khánh Hòa.
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**
  - Ông Hà Minh X, sinh năm 1983.  
Địa chỉ: Khu B, xã T, tỉnh Phú Thọ.
  - Ông Chamaleá V1, sinh năm 1976  
Địa chỉ: Thôn Á, xã T, tỉnh Khánh Hòa.
  - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Đỗ Thị Hoài T1** – Giám đốc **V2** – **Chi nhánh T2**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn vợ chồng ông **Hồ Văn T**, bà **Phạm Thị P** đồng ý trả lại cho nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** diện tích 12m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 610 tờ bản đồ địa chính số 46 **xã L**. Vị trí đất được xác định bởi các điểm (5,6,7,8,9) theo trích lục bản đồ địa chính ngày 04/3/2024 của **Văn phòng Đ chi nhánh T2**.

Chi phí tố tụng: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Bà **Nguyễn Thị N** đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001787 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc. Bà **N** được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Hoàn trả lại ông **Chamaléa V** số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005756 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

3. Các vấn đề khác:

- Những vấn đề có liên quan trong vụ án nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông **Chamaléa V**. Ông **Chamaléa V** có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 04/3/2024 của **Văn phòng Đ chi nhánh T2**)/.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KH;
- VKSND KV6, tỉnh KH;
- PTHADS KV6 - KH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Ngô Minh Đăng**